

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày: 21-5-2020

*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự mua
bán tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Thị Ánh Hương

+ Bà Lại Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2018/TLST-DS ngày 19/10/2018 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX ST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến L sinh năm: 1971

Bà Phạm Thị H sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T sinh năm: 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Thôn N, xã N, huyện K'R, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lâm Văn C sinh năm 1967

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông L, bà H, bà T có mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/10/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến L, bà Phạm Thị H trình bày: Vào ngày 23/10/2013 bà Nguyễn Thị T, ông Lâm Văn C có chốt cà phê với vợ chồng ông bà. Theo đó ông C, bà T phải hái hết cà phê tại vườn của ông C, bà T gửi cho ông L bà H. Hai bên thỏa thuận 4,5kg cà phê tươi bằng 01 kg cà phê nhân khô đủ độ, ông C, bà T đã lấy tiền của 03 tấn cà phê nhân khô robusta đủ độ với giá thỏa thuận là 32.000đồng/ 1 kg, tổng cộng là 96 triệu đồng, vợ chồng ông L, bà H đã giao đủ tiền cho bà T. Tuy nhiên, ông C, bà T không hái cà phê trả cho ông bà và đến nay bà T ông C vẫn chưa giao cà phê cho vợ ông bà. Nay ông L, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lâm Văn C phải trả lại cho ông bà 3.000 kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ. Ngoài ra ông L, bà H không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 23/10/2013 khi đó bà và ông C còn là vợ chồng có gửi cà phê cho ông L bà H nhưng vì thời điểm đó cà phê chưa chín nên chưa hái giao cho ông L, bà H. Đến tháng 11 và tháng 12 năm 2013 thì cà phê đã chín nên bà T đã hái cà phê trả cho ông L, bà H. Bà T xác định đã trả đủ bằng cà phê tươi cho vợ chồng ông L, bà H (quy đổi 4,5 tấn cà phê nhân tươi = 1 tấn cà phê nhân khô đủ độ, tổng cộng gia đình bà đã chở 13,5 tấn cà phê tươi sang nhà ông L bà H, thậm chí còn dư so với số cà phê đã chốt). Mỗi lần chở cà phê bà có ghi vào sổ của gia đình bà và ông L bà H có ký xác nhận bên dưới, đồng thời phía ông L, bà H cũng lập giấy chốt cà phê bà và ông C ký vào. Sau khi bà trả hết 13,5 tấn cà phê tươi cho nhà ông L, bà H thì ông L bà H đã ký xác nhận là đã nhận đủ số cà chốt ngày 23/10/2013 trong sổ của gia đình bà nhưng do bà sơ ý nên không yêu cầu ông L, bà H hủy giấy chốt cà phê do ông L, bà H giữ có chữ ký của bà và ông C. Bà T xác định đã thanh toán đủ số cà phê mà hai bên chốt với nhau vào ngày 23/10/2013 cho ông L bà H. Nay vợ chồng ông L, bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả lại cho 3 tấn cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ thì bà không đồng ý vì bà đã trả xong, không còn nợ ông L bà H nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn C trình bày: Năm 2013 khi đó ông C và bà T chưa ly hôn, giữa gia đình ông với gia đình ông L, bà H có chốt cà phê vào ngày 23/10/2013, số lượng là 03 tấn cà phê nhân khô với giá 32.000.000đồng/ 1 tấn, thành tiền là 96.000.000đồng. Chữ ký và chữ viết tên trong giấy chốt cà phê ngày 23/10/2013 là ông ký và viết tên. Thời điểm viết giấy chốt cà phê thì do cà phê chưa chín nên đã lấy tiền trước và trả cà phê sau. Sau đó thì ông C cũng có chở cà phê tươi sang nhà ông L, bà H nhưng số cà phê chở sang để trả vào khoản nào thì ông không biết vì từ trước đó giữa hai gia đình đã có quan hệ làm ăn với nhau và toàn bộ giấy tờ về việc giao dịch làm ăn là do bà T quản lý ông không biết. Tháng 11/2015 ông C và bà T đã làm thủ tục ly hôn thì ông và bà T có thỏa thuận ông C có trách nhiệm thanh toán cho bà T 50.000.000đồng thì bà T có

trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Đến nay bà T đã trả hết số cà phê chót ngày 23/10/2013 cho vợ chồng ông L, bà H chưa thì ông không biết. Nay ông L, bà H khởi kiện yêu cầu bà T và ông C cùng có trách nhiệm trả cho ông L, bà H 3.000kg cà phê nhân khô loại Robusta thì ông C không đồng ý vì ông không còn liên quan gì.

Toà án đã tiến hành hòa giải mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho những người vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, ông L, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà T có trách nhiệm trả cho ông bà 3.000kg cà phê nhân khô loại robusta đủ độ. Còn bà T cho rằng bà đã trả hết số cà phê chót ngày 23/10/2013 cho ông L bà H vào khoảng tháng 11, tháng 12 năm 2013 nên bà không đồng ý trả cà phê theo yêu cầu khởi kiện của ông L bà H. Ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L bà H không được chấp nhận nên đề nghị buộc ông L bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt ông C theo thủ tục chung là phù hợp

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông L, bà H cho rằng ngày 23/10/2013 giữa ông bà với ông C, bà T có chót cà phê với nhau với số lượng 3.000kg cà phê nhân khô loại robusta với giá 32.000.000đồng/ 1 tấn thành tiền là 96.000.000đồng. Ông bà đã đưa đủ tiền cho ông C, bà T nhưng đến nay ông C, bà T vẫn chưa giao cà phê cho ông bà nên ông bà khởi kiện yêu cầu ông C, bà T phải trả cho ông bà 3.000kg cà phê nhân khô loại robusta đủ độ. Còn bà T cho rằng đã trả hết số cà phê trên cho ông L bà H, không đồng ý trả 3.000kg cà phê nhân khô loại robusta đủ độ cho ông L bà H nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: *“tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản”* là phù hợp. Vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, theo chứng cứ do ông L bà H xuất trình là bản chính giấy chốt cà phê thể hiện ngày 23/10/2013 ông C, bà T có thỏa thuận bán cà phê cho ông L bà H với số lượng 3.000kg cà phê nhân khô đủ độ, giá 32.000đồng/ 1kg, thành tiền là 96.000.000đồng, ngoài ra trong giấy còn thể hiện người nhận đủ tiền và đồng ý cắt cà phê bán cho ông L bà H là bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Văn C. Bà T và ông C đều thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong giấy này là của ông C và bà T và đều thừa nhận ngày 23/10/2013 giữa hai gia đình có thực hiện giao dịch trên. Nhưng bà T cho rằng thời điểm chốt cà phê là tháng 10 thì cà phê trong vườn của gia đình bà chưa chín, đến tháng 11, tháng 12/2013 cà phê đã chín nên gia đình bà đã chở cà phê tươi sang để trả đủ cho nhà ông L, bà H với số lượng quy đổi 4,5 tấn cà phê tươi bằng 01 tấn cà phê nhân khô đủ độ, tổng cộng gia đình bà đã trả đủ số cà phê chốt ngày 23/10/2013 cho ông L bà H là 13,5 tấn cà phê tươi và hai bên cũng đã tính toán xong với nhau phần cà phê dư.

Ngoài ra, bà T còn cho rằng năm 2014 bà và ông C làm thủ tục ly hôn thì đã xác định chỉ còn nợ ông Nguyễn Cao Khoa 25.000.000đồng, ông C nhận trách nhiệm trả số nợ này cho ông Khoa còn các khoản nợ khác đã giải quyết xong hết nên giữa bà với ông C không còn nợ ai khác. Đồng thời bà T cho rằng năm 2014 bà đã cho vợ chồng ông L, bà H vay 72.000.000đồng và 220.000.000đồng và tháng 8/2014 ông L, bà H mua đất của bà với ông C còn nợ lại 95.000.000đồng. Như vậy nếu bà còn nợ tiền chốt cà phê từ ngày 23/10/2013 thì khi đó hai bên đã cần trừ tiền nợ nhưng do bà đã trả hết nên đến năm 2014 bà mới cho ông L bà H vay tiền. Để lý giải vấn đề này ông L, bà H cho rằng tại thời điểm trước đây bà T khởi kiện do ông bà không tìm thấy giấy chốt cà phê ngày 23/10/2013 nên không thể yêu cầu bà T cần trừ nợ đối với khoản này, đến năm 2016 ông L bà H mới tìm thấy giấy này nên mới khởi kiện.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L, bà H cho rằng ngày 23/10/2013 giữa ông bà với ông C, bà T có ký kết việc mua bán cà phê với số lượng 3.000kg cà phê nhân khô loại robusta đủ độ với giá 32.000đồng/ 1 kg thành tiền là 96.000.000đồng và ông C bà T đều thừa nhận đã nhận đủ tiền và thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong chứng cứ do ông L, bà H xuất trình đúng là do ông C bà T ký và viết tên. Qua xem xét chứng cứ thì thấy rằng giấy mua bán cà phê do ông L bà H xuất trình có thể hiện đối tượng của hợp đồng là cà phê, người bán tài sản là ông C, bà T, người mua tài sản là ông L, bà H, giá là 32.000đồng/ 1 kg, phương thức thanh toán tại thời điểm giao kết hợp đồng được thể hiện ông L, bà H đã giao cho ông C, bà T 96.000.000đồng và ông C bà T chưa giao cà tươi nên ông C, bà T có trách nhiệm hái cà phê gửi lại cho ông L, bà H. Theo chứng cứ trên thì ông L, bà H là bên mua đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền tại thời điểm nhận cà phê còn bên bán là ông C, bà T chưa giao tài sản cho bên bán. Theo cả nguyên đơn và bị đơn khai thì trước đây hai gia đình là hàng xóm và có quan hệ vay mượn và chuyển nhượng quyền sử dụng

đất với nhau nhiều lần, theo những tài liệu do thu thập trong hồ sơ dân sự trước đây thì năm 2014 ông L, bà H có nhận chuyển nhượng đất của ông C, bà T, tổng giá trị là 345.000.000đồng, ông L, bà H còn nợ lại 95.000.000đồng. Khi bà T yêu cầu ông L bà H trả số tiền này do ông C đã dẫn ông L, bà H nếu bà T đòi thì nói đã trả hết cho ông C nên bà T làm đơn yêu cầu Ủy ban xã Đông Thanh giải quyết. Sau đó, ông L, bà H đã mang 95.000.000đồng đến Ngân hàng Sacombank Đà Lạt trả vào sổ dư nợ của bà T, ông C để bà T rút đơn kiến nghị. Ngoài ra, còn có chứng cứ thể hiện ngày 05/4/2014 ông L, bà H có vay của bà T 72.000.000đồng. Những chứng cứ trên phù hợp với lời khai của bà T nếu bà T còn nợ ông L bà H thì phải cần trừ số tiền bà T còn nợ sau đó mới viết giấy chốt lại số tiền ông L, bà H còn nợ bà T là bao nhiêu, nhưng khi đó giữa hai bên không đề cập đến số tiền 96.000.000đồng bà T chốt cả phê với ông L bà H vào ngày 23/10/2013. Đối chiếu lời khai của ông L, bà H với vụ án trước đây là mâu thuẫn nhau, việc ông L, bà H cho rằng tại thời điểm năm 2014 khi giải quyết vụ án dân sự trước đây thì ông bà cũng có đề cập đến vấn đề này nhưng do giấy chốt cả phê ngày 23/10/2013 bị thất lạc không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nên Tòa án không xem xét. Tuy nhiên, trong vụ án này Tòa án đã phô tô toàn bộ tài liệu từ hồ sơ dân sự trước đây thì trong các lời khai, các biên bản đối chất cũng như biên bản hòa giải không thấy ông L, bà H trình bày vấn đề này nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của ông L, bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định số cả phê ông C, bà T chốt với ông L bà H ngày 23/10/2013 đã được hai bên thanh toán trước khi ông C, bà T chuyển nhượng đất cho ông L, bà H; trước khi ông L bà H vay 72.000.000đồng của bà T vào năm 2014. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H.

[5].Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Tiến L, bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là $92.100.000\text{đồng} \times 5\% = 4.605.000\text{đồng}$ (tính theo giá cả phê ngày 21/5/2020 là 30.700đồng/kg).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L, bà Phạm Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả 3.000kg cà phê nhân khô, loại Robusta đủ độ.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tiến L, bà Phạm Thị H phải chịu 4.605.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi 2.783.000đồng tiền tạm ứng án phí ông L, bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000793 ngày 19/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông L bà H phải tiếp tục nộp 1.822.000đồng (Một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/5/2020), riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh